TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:234/2020/HNGĐ-ST;
Ngày: 28/5/2020;
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy;**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trương Hoàng Hoa;**

2/ Ông **Nguyễn Trung Trực**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc B** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXX-ST ngày 17/4/2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Nguyễn Thị A** – sinh năm: 1971;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:* **Bùi Tấn B - sinh năm: 1967***;***

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A có mặt,anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh B cưới nhau vào năm 1991, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã N vào ngày 23/9/1991. Cuộc sống chung của vợ chồng chị rất hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên trong cuộc sống chung thường xuyên cự cãi. Tuy sống chung một nhà nhưng vợ chồng chị mỗi người có cuộc sống riêng, không nói chuyện và quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2018 cho đến nay, anh B đi cả ngày tối về lấy đồ rồi đi tiếp. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có hai con chung tên Bùi Quốc C, sinh ngày 11/12/1991 và Bùi Nguyễn D, sinh ngày 30/7/2009. Cháu C đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu C đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Bùi Tấn B vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A.

* Tại phiên tòa chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh B.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh B là có thật, thời gian ly thân đã kéo dài, Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần nhưng anh B đều vắng mặt, qua đó cho thấy anh B không muốn hàn gắn tình cảm với chị A nên yêu cầu của chị A là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly của chị A. Về con chung xét thấy, cháu C đang sống ổn định với chị A, đồng thời cháu C có nguyện vọng sống với mẹ nên yêu cầu của chị A là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Tấn B, giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Bùi Tấn B đang cư trú và sinh sống tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện P có thẩm quyền giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Anh B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[4 Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa chị A trình bày cuộc sống chung của vợ chồng chị ngay từ đầu đã không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ và thường xuyên cự cãi. Vì con chị đã cố gắn duy trì cuộc hôn nhân với anh B nhưng đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn được, anh chị đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh B vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, qua đó cho thấy anh B không có thành ý cứu vãn mối quan hệ hôn nhân với chị A. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

[5] Về con chung: Xét thấy cháu C đang sống ổn định với chị A, do đó việc chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C là có cơ sở và phù hợp với nguyện vọng của cháu C nên Tòa án chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị A khai không có nên Tòa án không giải quyết.

[8] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A.

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Bùi Tấn B.

2. Về con chung:

Giao cháu Bùi Nguyễn D- sinh ngày 30/7/2009 cho chị Nguyễn Thị A được tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Bùi Tấn B được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003365 ngày 21/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, như vậy chị A đã thi hành xong.

4. Chị Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với anh Bùi Tấn B thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.